

Xuất khẩu lao động và sự phân hóa sinh kế của thanh niên ngư dân: trường hợp hai xã Tịnh Kỳ và Bình Châu, tỉnh Quảng Ngãi¹

Lê Ngọc Huynh^(*)

Nguyễn Thủy Hồng^(**)

Tóm tắt: Trong bối cảnh toàn cầu hóa và áp lực sinh kế, xuất khẩu lao động đã trở thành chiến lược sinh kế của nhiều thanh niên ngư dân ở Việt Nam. Nghiên cứu điền dã dân tộc học tại hai xã Tịnh Kỳ và Bình Châu, tỉnh Quảng Ngãi nhằm làm rõ cách thức xuất khẩu lao động ảnh hưởng đến cấu trúc nghề nghiệp và văn hóa sinh kế của ngư dân. Câu hỏi đặt ra, vì sao cùng xu hướng xuất khẩu lao động, song hành vi nghề nghiệp sau khi hồi hương ở hai địa phương lại có sự khác biệt? Kết quả nghiên cứu cho thấy, sau hồi hương tồn tại hai xu hướng nghề là chuyển sang kinh doanh hậu cần nghề cá và vẫn duy trì nghề khai thác hải sản. Sự đối lập này khẳng định vai trò điều tiết của văn hóa nghề truyền thống, mạng lưới xã hội trong định hình hành vi lao động. Nghiên cứu nhận diện quá trình tái cấu trúc sinh kế và cung cấp bằng chứng cho chính sách hỗ trợ lao động trẻ, đảm bảo cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo tồn văn hóa trong cộng đồng ngư dân.

Từ khóa: Xuất khẩu lao động, Sinh kế ngư dân, Chuyển dịch nghề nghiệp, Tái cấu trúc cộng đồng, Quảng Ngãi

Abstracts: In the context of globalization and livelihood pressure, labor export has become a common strategy for young Vietnamese fishermen. The ethnographic field research in Tinh Ky and Binh Chau communes clarifies the impact of labor export on occupational structure and livelihood culture of fishermen. A question arises: why, despite the same trend of labor export, do the occupational behaviors after repatriation differ in the two localities? The findings reveal that after repatriation, there are two distinct occupational trends: some individuals switch to fishing logistics business, while others continue engaging in seafood harvesting. This contrast confirms the regulatory role of traditional occupational culture and social networks in shaping labor behavior. The study also identifies the process of livelihood restructuring and provides evidence for policies supporting youth workers, ensuring the balance between economic development and cultural preservation in fishing communities.

Keywords: Labor Export, Fishermen's Livelihood, Career Transition, Community Restructuring, Quang Ngai Province

Ngày nhận bài: 21/11/2025; Ngày duyệt đăng: 08/12/2025

¹ Bài viết là một phần kết quả nghiên cứu của Nhiệm vụ khoa học cấp Bộ “Ảnh hưởng của dịch chuyển lao động ở một số cộng đồng ngư dân thuộc tỉnh Quảng Ngãi đến ngư nghiệp và an ninh biển đảo” (2025-2026), do TS. Lê Ngọc Huynh chủ nhiệm, Viện Dân tộc học và Tôn giáo học chủ trì.

(*) TS., Viện Dân tộc học và Tôn giáo học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;

Email: huynhathno@gmail.com

(**) ThS., Viện Ngôn ngữ học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: hongnguyen1296@gmail.com

1. Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và áp lực tái cấu trúc sinh kế tại các vùng ven biển Việt Nam, xuất khẩu lao động (XKLĐ) đã trở thành một xu hướng phổ biến, đặc biệt trong nhóm lao động trẻ. Sự dịch chuyển này ngoài ý nghĩa kinh tế còn phản ánh những thay đổi trong cấu trúc xã hội, văn hóa nghề nghiệp và nhận thức về tương lai của ngư dân. Lao động trẻ lựa chọn XKLĐ như một chiến lược sinh kế, việc này đặt ra nhiều câu hỏi về sự bền vững của nghề biển truyền thống, khả năng thích ứng của cộng đồng, cũng như vai trò của văn hóa trong định hình hành vi lao động.

Bài viết nghiên cứu trường hợp hai xã ven biển Tịnh Kỳ và Bình Châu thuộc tỉnh Quảng Ngãi¹. Nơi đây có truyền thống lâu đời khai thác hải sản, nhưng đang nổi lên xu hướng chuyển dịch nghề nghiệp của lao động trong độ tuổi dưới 40. Nghiên cứu được thực hiện trong năm 2025, thông qua cách tiếp cận dân tộc học với 4 cuộc thảo luận nhóm, 22 phỏng vấn sâu (PVS) bao gồm nam và nữ. Kết quả thực địa cho thấy, sau khi hồi hương, phần lớn lao động ở xã Tịnh Kỳ chuyển sang kinh doanh hậu cần nghề cá, trong khi tại xã Bình Châu, đa số vẫn tiếp tục gắn bó với nghề khai thác hải sản. Sự khác biệt này là minh chứng cho tính đa dạng của chiến lược sinh kế và vai trò của yếu tố văn hóa - xã hội trong quá trình tái cấu trúc cộng đồng. Trên cơ sở phân tích các dữ liệu định tính này, bài viết hướng đến việc giải thích hiện tượng chuyển dịch nghề nghiệp hậu XKLĐ. Từ đó, góp phần nhận diện những động lực xã hội và văn hóa chi phối hành vi nghề nghiệp của

thanh niên ngư dân trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2. Khái quát địa bàn nghiên cứu

Nghiên cứu này được triển khai tại hai xã ven biển Tịnh Kỳ và Bình Châu (sau ngày 01/7/2025 là hai xã Tịnh Khê và Đông Sơn) thuộc tỉnh Quảng Ngãi. Hai xã này có sự tương đồng về đặc điểm địa lý, dân cư và cơ cấu sinh kế, nhưng lại đang có xu hướng khác biệt trong hành vi nghề nghiệp của lao động trẻ sau XKLĐ. Sự tương phản này cho phép nghiên cứu thực hiện so sánh và phân tích vai trò của yếu tố văn hóa, kinh tế và xã hội trong định hình lựa chọn nghề nghiệp hậu hồi hương trong cộng đồng ngư dân nơi đây.

Xã Tịnh Kỳ nằm ở phía Đông Nam thành phố Quảng Ngãi, có diện tích tự nhiên khoảng 9,65 km², dân số năm 2024 là gần 9.000 người (UBND xã Tịnh Kỳ, 2024), từ lâu người dân lấy nghề biển làm sinh kế chủ đạo. Tuy nhiên, gần đây, cơ cấu lao động trẻ đang có sự dịch chuyển mạnh mẽ. Thanh niên lựa chọn XKLĐ sang thị trường Hàn Quốc và Nhật Bản (thường làm trong lĩnh vực khai thác hải sản). Sau khi hồi hương, “phần lớn không quay lại nghề biển truyền thống mà chuyển hướng sang các hoạt động kinh doanh như buôn bán ngư lưới cụ, dịch vụ sửa chữa tàu thuyền hoặc mở đại lý hải sản” (PVS, nam, 55 tuổi, xã Tịnh Kỳ). Sự dịch chuyển này phản ánh xu thế tái cấu trúc sinh kế, ít gắn bó với nghề khai thác trực tiếp.

Xã Bình Châu có diện tích khoảng 14,2 km² và dân số năm 2024 ước đạt hơn 11.000 người, thuộc phía Đông Bắc của tỉnh Quảng Ngãi, với truyền thống phát triển nghề khai thác hải sản, đặc biệt đánh bắt xa bờ ổn định qua nhiều thế hệ (UBND xã Bình Châu, 2025). Địa phương cũng ghi nhận xu hướng XKLĐ, tuy nhiên “phần

¹ Các địa danh, đơn vị hành chính trong bài viết được sử dụng trước khi sáp nhập các đơn vị hành chính (ngày 01/7/2025).

lớn lao động sau khi hồi hương vẫn tiếp tục quay lại nghề biển” (PVS, nam, 45 tuổi, xã Bình Châu). Điều này cho thấy, sự gắn bó sâu sắc với nghề truyền thống, đồng thời phản ánh vai trò bền vững của văn hóa nghề cá trong việc định hình sinh kế cộng đồng, nơi hoạt động đánh bắt xa bờ được duy trì và có thể cải thiện nhờ vốn tích lũy từ XKLD. Việc khảo sát và đối sánh giữa hai địa bàn cho phép nghiên cứu này nhận diện xu hướng chuyển dịch lao động và tái cấu trúc sinh kế ở vùng ven biển miền Trung, đồng thời làm rõ mối quan hệ giữa yếu tố văn hóa - xã hội và hành vi nghề nghiệp của thanh niên trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

3. Khung lý thuyết và tổng quan nghiên cứu

Nghiên cứu về chuyển dịch nghề nghiệp của thanh niên ngư dân hậu hồi hương được đặt trong sự giao thoa giữa khung lý thuyết về sinh kế bền vững, di cư lao động quốc tế và văn hóa nghề nghiệp. Việc tổng hợp tài liệu giúp nhận diện vai trò của văn hóa trong định hình hành vi lao động tại các cộng đồng ngư dân ven biển.

3.1. Khung lý thuyết

Nghiên cứu này sử dụng khung sinh kế bền vững kết hợp lý thuyết di cư để phân tích quá trình tái cấu trúc sinh kế của ngư dân. XKLD được coi là chiến lược sinh kế chủ động của hộ gia đình nhằm phân tán rủi ro, tăng các nguồn vốn trước bất ổn của nghề biển (Adda và cộng sự, 2022). Do có sự phân hóa nghề nghiệp hậu XKLD giữa hai cộng đồng, nên bài viết tập trung vào khái niệm “kiểu hồi xã hội”, tức sự chuyển giao các giá trị, chuẩn mực mới từ nơi đến về quê gốc, tạo ra sự tương tác với văn hóa truyền thống (Peggy, 1998). Sự khác biệt giữa hai nơi được giải thích thông qua vai

trò điều tiết của văn hóa nghề nghiệp và khả năng dung hòa văn hóa, quyết định của cộng đồng sẽ “tích hợp” hay “thay thế” các giá trị mới.

3.2. Tổng quan tài liệu

3.2.1. Xuất khẩu lao động như một chiến lược sinh kế và di cư quốc tế

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và khoảng cách thu nhập giữa các quốc gia ngày càng lớn, việc lực lượng lao động ở những nước nghèo hướng đến các nước phát triển tìm kiếm việc làm được xem như một chiến lược sinh kế của hộ gia đình để tăng thu nhập và nâng cao đời sống (Hein, 2010). Dưới góc nhìn kinh tế học mới (NELM), XKLD là một quyết định mang tính chiến lược và có chủ đích của hộ gia đình nhằm đa dạng hóa nguồn thu nhập, giảm thiểu rủi ro kinh tế và biến động thu nhập của gia đình (Oded và cộng sự, 1985). Tiền gửi về trở thành dạng bảo hiểm thu nhập, giúp gia đình giải quyết được sự bất ổn kinh tế (Hein, 2010). Qua đó, XKLD trở thành hình thức tích lũy vốn xã hội, tạo điều kiện để đầu tư, cải thiện đời sống lâu dài của cá nhân và thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương (Robert và cộng sự, 1992; Nguyễn Văn Sửu, 2010).

3.2.2. Văn hóa nghề nghiệp, hành vi lao động và tái cấu trúc hậu di cư

Tham gia vào môi trường lao động quốc tế, đặc biệt sự dịch chuyển lao động trong lĩnh vực hàng hải giúp người lao động tiếp thu kỹ năng, chuẩn mực về giao tiếp, làm việc nhóm và ra quyết định, (Lützhöft và cộng sự, 2011), từ đó tái định hình thói quen và nhận thức (Glaser và cộng sự, 2017). Điều này là cơ sở để họ tái cấu trúc sinh kế khi trở về quê nhà. Hệ quả là, họ rời xa dần nghề truyền thống, chuyển hướng sang các hoạt động kinh doanh, dịch vụ, hậu cần hoặc phi nông

ngiệp (Goffman và cộng sự, 2023; Ngô Phương Lan, 2013).

3.2.3. Tái cấu trúc cộng đồng: tính xuyên quốc gia và phân hóa xã hội

Di cư quốc tế là một động lực mạnh mẽ dẫn đến tái cấu trúc xã hội và kinh tế ở cộng đồng gốc, nơi sự khác biệt về điều kiện tự nhiên và mạng lưới quan hệ chi phối khả năng tiếp cận cơ hội của các nhóm xã hội (Robert và cộng sự, 1992). Dưới góc nhìn lý thuyết NELM, dù hộ gia đình là đơn vị ra quyết định tối đa hóa nguồn thu nhập, song thực chất đây là thực thể trung gian điều chỉnh hành vi di cư để thích ứng với các cơ hội và rào cản từ cấu trúc vĩ mô (Stark và cộng sự, 1985).

Trong bối cảnh cộng đồng ngư dân Việt Nam, văn hóa nghề biển truyền thống đang tương tác mạnh mẽ với các giá trị mới từ kinh nghiệm XKLD. Sự gắn bó với nghề biển tại xã Bình Châu phản ánh vai trò bền vững của văn hóa nghề cá. Ngược lại, ở xã Tịnh Kỳ cho thấy quá trình tái cấu trúc văn hóa nghề nghiệp, nơi tính linh hoạt, hiệu quả và kết nối thị trường quốc tế dần thay thế các chuẩn mực truyền thống.

Mặc dù có nhiều nghiên cứu về di cư lao động quốc tế và tái cấu trúc sinh kế, song phần lớn tập trung vào các nhóm lao động nông - công nghiệp hoặc đô thị. Các nghiên cứu về ngư dân chủ yếu khai thác khía cạnh tín ngưỡng, tri thức địa phương và môi trường, thiếu vắng phân tích hành vi nghề nghiệp, mối tương tác giữa văn hóa mới và truyền thống hậu XKLD trong nhóm thanh niên ngư dân. Đặc biệt, thiếu nghiên cứu so sánh hai cộng đồng ngư dân có sự tương đồng về địa ý, kinh tế nhưng lại có hành vi nghề nghiệp hậu hồi hương khác biệt. Từ đó, có thể thấy có khoảng trống lý thuyết và thực tiễn đáng kể về sự chuyển dịch này định hình cấu

trúc xã hội. Nghiên cứu này nhằm lấp đầy khoảng trống đó bằng cách tiếp cận dân tộc học, phân tích hành vi nghề nghiệp của thanh niên ngư dân trong bối cảnh hội nhập quốc tế, đồng thời nhận diện quá trình tái cấu trúc sinh kế tại các vùng ven biển Việt Nam.

4. Kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu tại hai xã Tịnh Kỳ và Bình Châu cho thấy, có sự phân hóa rõ rệt trong hành vi nghề nghiệp hậu XKLD của thanh niên ngư dân. Trong giai đoạn 2018-2023, cả hai địa phương đều có tỷ lệ lao động trẻ (từ 25-40 tuổi) tham gia XKLD cao, chủ yếu tại thị trường Hàn Quốc và Nhật Bản. Nghề nghiệp tại nước ngoài thường liên quan đến khai thác hoặc chế biến hải sản công nghiệp. Quá trình này cho phép người lao động tích lũy vốn tài chính đáng kể, đồng thời tiếp xúc với môi trường lao động hiện đại và mô hình tổ chức sản xuất chuyên nghiệp.

4.1. Dịch chuyển khỏi khai thác, hướng đến dịch vụ hậu cần

Tại xã Tịnh Kỳ, phần lớn thanh niên sau khi hồi hương không quay lại nghề khai thác hải sản truyền thống. Thay vào đó, họ chuyển vốn sang các hoạt động kinh doanh hậu cần nghề cá như buôn bán ngư cụ, mở đại lý hải sản, cung cấp dịch vụ sửa chữa tàu thuyền, hoặc đầu tư vào mô hình nuôi trồng thủy sản ven bờ. Sự chuyển hướng này được lý giải bởi nhiều yếu tố: nghề khai thác hải sản có điều kiện lao động khắc nghiệt, thu nhập không ổn định, rủi ro cao, và thiếu tính chuyên nghiệp. Kinh nghiệm làm việc ở nước ngoài đã hình thành tư duy kinh doanh mới và xu hướng tách khỏi mô hình sản xuất truyền thống, ưu tiên tính chuyên nghiệp và ổn định. Sự chuyển dịch này cũng một phần bởi nghi lễ truyền thống liên quan đến biển

(lễ cầu ngư, lễ ra khơi) đang dần mai một trong nhóm thanh niên từng XKLD. Việc thiếu sự tham gia của thế hệ trẻ vào sinh hoạt cộng đồng và truyền thống tổ nghề cá phản ánh sự suy giảm tính gắn kết văn hóa với nghề truyền thống.

4.2. Duy trì và cải tiến nghề truyền thống

Tại xã Bình Châu, đa số người lao động sau khi trở về vẫn tiếp tục hành nghề biển. Bên cạnh việc duy trì mô hình khai thác truyền thống dựa trên kinh nghiệm bản địa và mạng lưới cộng đồng, họ sử dụng vốn tài chính đầu tư vào tàu thuyền lớn, nâng cấp thiết bị hiện đại như định vị vệ tinh, máy dò cá. Sự lựa chọn này được lý giải bởi biểu tượng của bản sắc văn hóa và sự tự chủ có tính kế thừa trong công việc: “đó là nghề của cha ông”, “gắn với làng xóm”, và “mang lại sự tự chủ trong công việc” (PVS, nam, 25 tuổi, xã Bình Châu). Thêm vào đó, các nghi lễ truyền thống như lễ cầu ngư, lễ ra khơi, thờ cúng cá Ông vẫn được duy trì đều đặn với sự tham gia của toàn cộng đồng, bao gồm cả những người hồi hương. Sự bảo tồn bền vững nghi lễ và tổ nghề cá góp phần củng cố mối liên kết xã hội và lòng trung thành với nghề biển. Bởi vậy, người lao động cảm thấy “có trách nhiệm giữ nghề” (PVS, nam, 42 tuổi, xã Bình Châu) và coi đó là một phần của đời sống tâm linh.

Sự phân hóa này cho thấy, hành vi nghề nghiệp hậu hồi hương là sự biểu hiện của việc vận dụng vốn tài chính và vốn xã hội tích lũy từ XKLD để tái định hình sinh kế (Robert và cộng sự, 1992; Nguyễn Văn Sửu, 2010). Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu nhấn mạnh rằng, sự lựa chọn nghề nghiệp không chỉ bị chi phối bởi yếu tố kinh tế, điều kiện thị trường lao động địa phương, mà nó còn bị chi phối bởi nhận thức nghề

nh nghiệp, kỳ vọng cá nhân, mạng lưới xã hội và mức độ gắn bó văn hóa (Hein, 2010). Điều này cho thấy, tùy vào mức độ gắn bó và khả năng thích ứng của cộng đồng với giá trị mới mà văn hóa nghề nghiệp có thể vừa là động lực thúc đẩy, vừa là rào cản trong việc duy trì nghề truyền thống. Do đó, di cư lao động được xác nhận là một quá trình tái cấu trúc xã hội phức tạp, chứ không đơn thuần là dịch chuyển kinh tế (Allison và cộng sự 2001).

5. Thảo luận

Kết quả tại hai điểm nghiên cứu cho thấy tồn tại sự khác biệt rõ rệt trong hành vi nghề nghiệp hậu XKLD của thanh niên trong hai cộng đồng ngư dân. Những khác biệt này một mặt phản ánh điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể của từng địa phương. Mặt khác, cho thấy vai trò của văn hóa nghề nghiệp, kinh nghiệm di cư và cấu trúc cộng đồng trong quá trình tái cấu trúc sinh kế. Dưới đây là ba luận điểm chính được rút ra từ quá trình phân tích dữ liệu thực địa:

5.1. Xuất khẩu lao động như một chiến lược sinh kế và tái cấu trúc nghề nghiệp

Nghiên cứu thực địa cho thấy, thanh niên tại hai điểm nghiên cứu đang lựa chọn XKLD làm chiến lược sinh kế chủ động trước những bất ổn ngày càng tăng của nghề khai thác hải sản truyền thống (suy giảm nguồn lợi hải sản, chi phí vận hành tăng cao, và rủi ro an ninh trên biển), như đã phân tích cụ thể ở phần kết quả. Quá trình tham gia lao động tại Hàn Quốc và Nhật Bản giúp họ tích lũy được vốn tài chính, mạng lưới xã hội, kỹ năng mới và mô hình tổ chức sản xuất hiện đại, tạo nền tảng vững chắc cho việc tái định hình chiến lược nghề nghiệp sau khi hồi hương.

Tuy nhiên, chuyển đổi nghề nghiệp hậu XKLD diễn ra không đồng nhất giữa

hai địa phương. Tại xã Tịnh Kỳ, phần lớn người lao động lựa chọn rời bỏ nghề khai thác hải sản để chuyển sang kinh doanh hậu cần nghề cá như đại lý hải sản, buôn bán ngư lưới cụ, hoặc cung cấp dịch vụ kỹ thuật tàu thuyền (sự dịch chuyển này tương ứng với các trường hợp ở xã Tịnh Kỳ ở phần kết quả). Xu hướng này phản ánh sự ưu tiên cho tính ổn định, ít rủi ro. Kinh nghiệm làm việc trong môi trường công nghiệp hiện đại đã làm thay đổi nhận thức, tư duy kinh doanh và dịch chuyển khỏi nghề truyền thống. Ngược lại, tại xã Bình Châu, đa số lao động vẫn tiếp tục với nghề khai thác hải sản. Họ đầu tư nâng cấp tàu thuyền, trang thiết bị hiện đại như máy định vị, máy dò cá, và cải thiện phương pháp bảo quản sản phẩm sau khai thác, bên cạnh việc duy trì mô hình tổ chức sản xuất cộng đồng, coi đó là biểu tượng văn hóa gắn với các nghi lễ nghề nghiệp.

Sự phân hóa trong hành vi nghề nghiệp hậu hồi hương giữa hai địa phương cho thấy, quá trình chuyển đổi sinh kế không chỉ phụ thuộc vào nguồn lực kinh tế mà còn bị chi phối bởi yếu tố văn hóa, cấu trúc cộng đồng và mức độ tiếp nhận giá trị mới (Leo và cộng sự, 2005). Trường hợp xã Tịnh Kỳ cho thấy khả năng tiếp nhận và vận dụng các nguồn vốn tích lũy trong quá trình XKLD để tái cấu trúc nghề nghiệp và sinh kế sau khi hồi hương (Castles, 2004). Trong khi đó, tại xã Bình Châu, người dân sử dụng nguồn vốn có được từ XKLD để nâng cấp nghề truyền thống mà không làm mất đi bản sắc văn hóa. Điều này khẳng định rằng, tái cấu trúc nghề nghiệp hậu XKLD là một quá trình đa chiều, trong đó yếu tố văn hóa và cộng đồng đóng vai trò điều tiết quan trọng bên cạnh các yếu tố kinh tế.

5.2. Văn hóa nghề biển như một yếu tố định hình hành vi lao động

Edward H. Allison và Frank Ellis (2001) cho rằng, văn hóa nghề nghiệp có thể vừa là động lực, vừa là rào cản đối với quá trình đổi mới sinh kế. Khi văn hóa nghề cá được duy trì, nó tạo ra sự ổn định và tính kế thừa trong nghề nghiệp. Tại xã Bình Châu, các nghi lễ văn hóa gắn với nghề biển vẫn được duy trì, tạo sợi dây gắn kết cộng đồng và duy trì nghề cá. Ngược lại, tại xã Tịnh Kỳ, nghi lễ văn hóa biển bị mai một, dẫn đến sự đứt gãy trong cấu trúc cộng đồng và hành vi lao động, ảnh hưởng đến việc duy trì cấu trúc sinh kế đương đại. Ở đây, các giá trị cộng đồng được thay thế bằng những yếu tố gắn với môi trường lao động công nghiệp hóa như giá trị cá nhân, tính hiệu quả kinh tế và thị trường. Sự phù hợp giữa giá trị cá nhân và văn hóa tổ chức là yếu tố quyết định đến hành vi lao động trong môi trường hiện đại (Xi và cộng sự, 2025).

5.3. Di cư lao động như một quá trình tái cấu trúc xã hội và văn hóa

Di cư lao động là một quá trình dịch chuyển xã hội phức tạp, vượt lên trên yếu tố kinh tế, mà còn tái cấu trúc văn hóa, hành vi và mối quan hệ cộng đồng. Sau khi hồi hương, lao động di cư mang theo các giá trị mới như tính hiệu quả, kỷ luật lao động công nghiệp và phi nghi lễ, những điều này tạo ra sự tương tác, xung đột với chuẩn mực văn hóa, xã hội truyền thống (Levitt, 1998). Quá trình tái cấu trúc này diễn ra theo hai xu hướng: (1) Tại xã Tịnh Kỳ, lao động trẻ dần bỏ nghề đánh bắt hải sản, chuyển sang kinh doanh hậu cần nghề cá, bởi nghề biển “rủi ro cao” và “thu nhập bấp bênh” (PVS, nam, 63 tuổi, xã Tịnh Kỳ). Đây là dấu hiệu của tái cấu trúc văn hóa nghề nghiệp, trong đó các giá trị truyền thống bị thay thế bởi chuẩn mực mới hình

thành từ kinh nghiệm di cư; (2) Tại xã Bình Châu, thể hiện sự dung hòa văn hóa thông qua việc tích hợp nguồn vốn từ XKLD để duy trì nghề biển, bên cạnh bảo tồn các nghi lễ văn hóa và mối quan hệ cộng đồng, cho thấy giá trị mới được điều chỉnh phù hợp với cấu trúc xã hội đương đại.

Di cư là một quá trình hai chiều, người lao động chịu ảnh hưởng của nơi đến và tác động trở lại nơi xuất phát thông qua kiều hối, ý tưởng, kỹ thuật và văn hóa (Hein, 2010; Levitt, 1998). Tuy nhiên, mức độ thay đổi cấu trúc xã hội và hành vi sinh kế phụ thuộc vào khả năng tiếp nhận và điều chỉnh của cộng đồng (Adda và cộng sự, 2022). Tại xã Tịnh Kỳ, các nghi lễ nghề biển và tính cộng đồng bị suy giảm bởi các giá trị ngoại lai; trong khi ở xã Bình Châu, văn hóa nghề cá vẫn được duy trì như một hệ thống tổ chức xã hội. Điều này khẳng định, việc phân tích hành vi nghề nghiệp của lao động hậu hồi hương phải gắn liền với văn hóa và xã hội, bởi chính những yếu tố này quyết định khả năng tích hợp hay thay thế các giá trị mới sau di cư.

Nghiên cứu này nhấn mạnh, XKLD không chỉ là một hiện tượng cá nhân, nó còn là quá trình tái cấu trúc xã hội cộng đồng, làm biến đổi cấu trúc nghề nghiệp và mối quan hệ quyền lực. Phân tích sự khác biệt giữa hai điểm nghiên cứu góp phần làm rõ vai trò điều tiết của yếu tố văn hóa trong việc định hình hành vi của lao động hậu hồi hương, một khía cạnh còn ít được chú ý trong nghiên cứu về di cư lao động. Từ đó, mở ra hướng tiếp cận dân tộc học đối với dịch chuyển sinh kế, đóng góp vào việc xây dựng chính sách hỗ trợ cộng đồng ngư dân trẻ trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

6. Kết luận

Bài viết đã làm rõ lao động trong độ tuổi từ 20-40 tại hai xã Tịnh Kỳ và Bình

Châu lấy XKLD làm chiến lược sinh kế mới nhằm ứng phó với thách thức nghề biển truyền thống. Thông qua phương pháp dân tộc học, bài viết đã chỉ ra sự phân hóa nghề nghiệp của lao động hậu hồi hương: người lao động ở xã Tịnh Kỳ chuyển dịch sang kinh doanh hậu cần nghề cá, trong khi tại xã Bình Châu vẫn duy trì nghề khai thác hải sản với việc cải tiến kỹ thuật. Sự khác biệt này ngoài việc phản ánh điều kiện kinh tế, xã hội cụ thể, còn cho thấy vai trò điều tiết của văn hóa nghề nghiệp đối với việc định hình hành vi lao động. Văn hóa nghề biển tại xã Bình Châu củng cố bản sắc văn hóa cộng đồng và lòng trung thành với nghề. Ngược lại, sự mai một của các nghi lễ nghề truyền thống ở xã Tịnh Kỳ thể hiện sự tái cấu trúc văn hóa đang diễn ra dưới tác động của di cư lao động quốc tế và tư duy kinh tế thị trường.

Bài viết đã góp phần mở rộng hiểu biết về mối quan hệ giữa di cư lao động, văn hóa nghề nghiệp và tái cấu trúc sinh kế tại một số cộng đồng ngư dân ven biển Việt Nam. Đồng thời, khẳng định quá trình chuyển dịch nghề nghiệp hậu XKLD diễn ra không đồng nhất, phụ thuộc vào mức độ gắn bó văn hóa, cấu trúc cộng đồng và khả năng tiếp nhận giá trị mới. Hơn nữa, bài viết cũng góp phần kết nối khung sinh kế bền vững với lý thuyết di cư và văn hóa nghề nghiệp. Từ đó, đề xuất một cách tiếp cận liên ngành để phân tích các hiện tượng xã hội phức hợp trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Thêm vào đó, cung cấp bằng chứng thực địa để các nhà hoạch định chính sách xây dựng những chương trình hỗ trợ cho lao động trẻ trong cộng đồng ngư dân, đảm bảo sự cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo tồn văn hóa nghề truyền thống □

Tài liệu tham khảo

1. Adda, Jérôme, Dustmann, Christian, and Görlach, Joseph - Simon (2022), “The dynamics of return migration, human capital accumulation, and wage assimilation”, *The Review of Economic Studies*, No. 6(89), pp. 2841-2871.
2. Allison, Edward H, and Ellis, Frank (2001), “The livelihoods approach and management of small-scale fisheries”, *Marine Policy*, No. 5(25), pp. 377-388.
3. Castles, Stephen (2004), “The factors that make and unmake migration policies”, *International Migration Review*, No. 3(38), pp. 852-884.
4. Chambers, Robert and Conway, Gordon R. (1992), “Sustainable rural livelihoods: practical concepts for the 21st century”, IDS Discussion paper 296.
5. Glaser, Barney G. and Strauss, Anselm L. (2017), *Discovery of grounded theory: Strategies for qualitative research*, Routledge.
6. Goffman, Erving (2023), *The presentation of self in everyday life*, Social theory re-wired, Routledge, pp. 450-459.
7. Haan, L. and Zoomers, Annelies (2005), “Exploring the frontier of livelihoods research”, *Development and Change*, No. 1(36), pp. 27-47.
8. Hein De Haas (2010), “Migration and development: A theoretical perspective”, *International Migration Review*, No. 1(44), pp. 227-264.
9. Ngô Phương Lan (2013), “Bất ổn sinh kế và di cư lao động của người Khơ-me ở đồng bằng sông Cửu Long”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 4, tr. 11-21.
10. Levitt, Peggy (1998), “Social remittances: Migration driven local-level forms of cultural diffusion”, *International Migration Review*, No. 4(32), pp. 926-948.
11. Lützhöft, Margareta, Grech, Michelle R. and Porathe, Thomas (2011), “Information environment, fatigue, and culture in the maritime domain”, *Reviews of Human Factors and Ergonomics*, No. 1(7), pp. 280-322.
12. Stark, Oded and Bloom, David E. (1985), “The new economics of labor migration”, *The American Economic Review*, No 2(75), pp. 173-178.
13. Nguyễn Văn Sửu (2010), “Khung sinh kế bền vững: Một cách phân tích toàn diện về phát triển và giảm nghèo”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 2, tr. 3-12.
14. UBND xã Bình Châu (2025), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội (Bình Châu cũ) giai đoạn 2020-2025*.
15. UBND xã Tịnh Kỳ (2024), *Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao đến năm 2023 của xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi*.
16. Xi, Yongtao, Wang, Zhijie, Hu, Shening, Han, Bing and Yin, Jingbo (2025), “The effect of safety culture on the safety behavior of ship deck officers-empirical evidence from shipping industry”, *Frontiers in Marine Science*, Vol. 12, p. 1-19.